

Bộ, tỉnh: Tỉnh Quảng Ninh
Cơ quan quản lý cấp trên: UBND thành phố Đông Triều
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường Tiểu học Bình Khê, thành phố Đông Triều
Mã đơn vị: 1130303
Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

Mẫu số 094-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG

Năm 2024

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền							Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)				Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác	Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ			
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác														
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	
I	Đất	974.601		974.601													
I	Khuôn viên đất khu Đông Sơn tại Thôn Đông Sơn	902.034		902.034						x							
2	Khuôn viên đất khu Quán Vuông tại Thôn Quán Vuông	72.567		72.567						x							
II	Nhà	194.526		38.743													
I	Nhà học khu Đông Sơn tại Thôn Đông Sơn - xã Bình Khê - thị xã Đông Triều - tỉnh Quảng Ninh	91.335								x							
2	Nhà học khu Quán Vuông tại	6.260								x							
3	Nhà vệ sinh khu trường Đông Sơn tại Thôn Đông Sơn - xã Bình Khê - thị xã Đông Triều - tỉnh Quảng Ninh	96.931		38.743						x							
III	Xe ô tô																
IV	Tài sản cố định khác	1.034.844		65.466													
1	Bàn ghế làm việc	9.350								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						
2	Bàn ghế tiếp khách	7.000								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú	
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác	Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ			Chưa nộp tài khoản tạm giữ
1	2	3	4											5	6	
3	Bàn ghế tiếp khách	9.020								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
4	Bộ thu tin hiệu (Sở GD&ĐT cấp)	5.140								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
5	Loa máy điểm trường chính	7.800								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
6	Mất tính để bàn	9.350		1.870						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
7	Mất tính để bàn	9.350		1.870						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
8	Mất tính để bàn	9.350		1.870						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
9	Mất tính để bàn	9.350		1.870						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
10	Mất tính để bàn	9.350		1.870						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
11	Mất tính để bàn	9.350		1.870						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
12	Máy ảnh Canon	8.800								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
13	Máy ảnh KTS Sony DSC-HX độ phân giải 2 Megapi..	15.950					x				Bán					
14	Máy chiếu	21.800					x				Bán					
15	Máy chiếu OPTOMA EX612	26.334					x				Bán					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền							Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác	Tổng cộng		Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ			
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác														
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	
16	Máy chiếu vật thể DV460	6.000								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						
17	Máy điều hòa văn phòng chờ	7.275		1.819						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						
18	Máy điều hòa văn phòng cũ	8.266		2.067						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						
19	Máy điều hòa văn phòng cũ	8.266		2.067						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						
20	Máy in Cannon HP2015D - 02 mặt	9.755								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						
21	Máy in Cannon LBP3300	4.500								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						
22	Máy in Cannon LBP3300	4.500								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						
23	Máy in Cannon LBP3300	4.500								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						
24	Máy tính bàn	9.295								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						
25	Máy tính bảng	5.680								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						
26	Máy tính bảng	5.680								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						
27	Máy tính bảng	5.680								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
1	2	3	4								5				6	7
28	Máy tính bảng	5.680								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
29	Máy tính bảng	5.680								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
30	Máy tính để bàn	9.250								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
31	Máy tính để bàn	9.955								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
32	Máy tính để bàn	9.295								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
33	Máy tính để bàn	9.878								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
34	Máy tính để bàn	9.955								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
35	Máy tính để bàn	9.955								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
36	Máy tính để bàn	9.250								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
37	Máy tính để bàn	8.050								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
38	Máy tính để bàn	8.050								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
39	Máy tính để bàn	9.955								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền							Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác	Tổng cộng		Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ			
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác														
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	
40	Máy tính để bàn	9.955								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						
41	Máy tính để bàn	9.625		3.850						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						
42	Máy tính để bàn	9.250								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						
43	Máy tính để bàn	8.050								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						
44	Máy tính để bàn	9.682								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						
45	Máy tính để bàn	7.095								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						
46	Máy tính để bàn	9.625		3.850						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						
47	Máy tính để bàn	9.300								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						
48	Máy tính để bàn	8.100								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						
49	Máy tính để bàn	9.625		3.850						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						
50	Máy tính để bàn	9.625		3.850						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						
51	Máy tính để bàn	9.300								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú	
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác	Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ			Chưa nộp tài khoản tạm giữ
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
52	Máy tính để bàn	8.050								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
53	Máy tính để bàn	8.900								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
54	Máy tính để bàn	7.095								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
55	Máy tính để bàn	9.955								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
56	Máy tính để bàn	7.095								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
57	Máy tính để bàn	15.000					x				Bán					
58	Máy tính để bàn	9.548								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
59	Máy tính để bàn	9.250								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
60	Máy tính để bàn	9.625		3.850						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
61	Máy tính để bàn	9.625								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
62	Máy tính để bàn	9.625		3.850						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
63	Máy tính để bàn	9.554								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền							Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác	Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
64	Máy tính để bàn	9.625								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
65	Máy tính để bàn	9.250								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
66	Máy tính để bàn	9.955								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
67	Máy tính để bàn	9.295								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
68	Máy tính để bàn	8.050								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
69	Máy tính để bàn	9.955								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
70	Máy tính để bàn	9.625		3.850						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
71	Máy tính để bàn	8.050								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
72	Máy tính để bàn	8.050								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
73	Máy tính để bàn	9.250								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
74	Máy tính để bàn	8.050								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
75	Máy tính để bàn	9.955								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)				Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiền hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác	Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguyên ngân sách	Nguyên khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
76	Máy tính để bàn	6.400								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
77	Máy tính để bàn	8.050								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
78	Máy tính để bàn	7.095								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
79	Máy tính để bàn	9.300								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
80	Máy tính để bàn	9.625		3.850						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
81	Máy tính để bàn	8.050								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
82	Máy tính để bàn	9.300								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
83	Máy tính để bàn-50101-MTBPT2020/01	8.747		1.749						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
84	Máy tính để bàn-50101-MTBPT2020/02	8.747		1.749						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
85	Máy tính để bàn-50101-MTBPT2020/03	8.747		1.749						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
86	Máy tính để bàn-50101-MTBPT2020/04	8.747		1.749						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
87	Máy tính để bàn-50101-MTBPT2020/05	8.747		1.749						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền							Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)				Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác	Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ		Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác										Tạm giữ	Tạm giữ			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	
88	Máy tính để bàn-50101-MTBPT2020/06	8.747		1.749						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						
89	Máy tính để bàn-50101-MTBPT2020/07	8.747		1.749						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						
90	Máy tính để bàn-50101-MTBPT2020/08	8.747		1.749						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						
91	Máy tính để bàn-50101-MTBPT2020/09	8.747		1.749						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						
92	Máy tính để bàn-50101-MTBPT2020/10	8.747		1.749						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						
93	Máy tính sách tay	17.000					x				Bán						
94	Máy tính sách tay Compac	16.548					x				Bán						
95	Máy tính sách tay HHP	33.000					x				Bán						
96	Máy tính sách tay HHP	13.187					x				Bán						
97	Phần mềm bài giảng Elearning	12.000						x									
98	Phần mềm bài giảng Elearning	12.000						x									
99	Phần mềm kế toán	9.500						x									
100	Phần mềm kế toán	9.350						x									
101	Phần mềm máy tính	8.810						x									
102	Phần mềm Quản lý cán bộ	12.000						x									
103	Phần mềm quản lý TS trực tuyến	9.000						x									
104	Phần mềm quản lý TS trực tuyến	8.000			x						Chuyển sang theo dõi CCDC						
105	Phần mềm trí tuệ	12.000						x									

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền							Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác	Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
106	Tù sặc thiết bị	6.000								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
107	Tù sặc thiết bị	6.000								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
108	Tù tài liệu	8.250								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
109	Tù tài liệu	8.100								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
110	Tù tài liệu	5.500								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
Tổng cộng		2.203.970		1.078.810												

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)



Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)



Vũ Chí Phương Cháo

Ngày 31 tháng 12 năm 2024